

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-45



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý II năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch	
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên	
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Dương Đắc Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc *ly*



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,057,134,652,543	941,686,323,869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	47,550,069,645	69,971,637,261
1. Tiền	111		29,510,445,646	19,851,637,261
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,039,623,999	50,120,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	32,474,150,685	24,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32,474,150,685	24,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		379,497,470,801	402,754,679,751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	159,410,767,417	188,827,939,789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	205,712,764,187	213,515,202,289
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	14,373,939,197	411,537,673
IV. Hàng tồn kho	140	10	580,219,162,068	438,414,293,965
1. Hàng tồn kho	141		580,219,162,068	438,414,293,965
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,393,799,344	6,545,712,892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	4,773,397,213	5,298,928,027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,623,511,772	1,246,384,865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	4,996,890,359	400,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		219,938,897,791	169,009,849,922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150,000,000	150,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	150,000,000	150,000,000
II. Tài sản cố định	220		140,266,868,220	147,833,958,399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	137,103,572,553	144,024,965,064
- Nguyên giá	222		227,818,921,452	227,435,921,452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90,715,348,899)	(83,410,956,388)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	97,395,834	221,145,834
- Nguyên giá	225		990,000,000	990,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(892,604,166)	(768,854,166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,065,899,833	3,587,847,501
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,032,556,834)	(2,510,609,166)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	60,709,771,834	3,484,769,913
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		60,709,771,834	3,484,769,913
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18,812,257,737	17,541,121,610
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14,550,229,038	15,131,570,386
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	3,104,946,952	1,983,427,255
3. Lợi thế thương mại	269		1,157,081,747	426,123,969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,277,073,550,334	1,110,696,173,791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		766,631,419,742	630,618,419,038
I. Nợ ngắn hạn	310		761,716,369,742	624,778,469,038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	130,391,677,904	91,018,311,346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	60,368,033,433	56,753,444,018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	17,531,819,880	19,895,455,311
4. Phải trả người lao động	314		3,946,951,162	3,628,026,050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	438,279,632
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1,677,588,862	162,194,443
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	547,800,298,501	452,882,758,238
II. Nợ dài hạn	330		4,915,050,000	5,839,950,000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	4,915,050,000	5,839,950,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		510,442,130,592	480,077,754,753
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	510,442,130,592	480,077,754,753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,998,550,000	249,998,550,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>249,998,550,000</i>	<i>249,998,550,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	1,698,273,899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159,615,059,704	135,726,492,731
- <i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>135,726,492,731</i>	<i>91,935,549,404</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>23,888,566,973</i>	<i>43,790,943,327</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19,151,846,989	12,676,038,123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,277,073,550,334	1,110,696,173,791

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2024		Quý II năm 2023		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	357,098,345,073	256,540,734,794	670,959,713,713	472,470,698,920				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	4,397,981,894	3,157,597,167	8,666,330,163	5,281,223,817				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		352,700,363,179	253,383,137,627	662,293,383,550	467,189,475,103				
4. Giá vốn hàng bán	11	26	306,108,459,673	223,194,872,889	582,915,587,198	408,597,230,353				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		46,591,903,506	30,188,264,738	79,377,796,352	58,592,244,750				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3,569,913,497	1,546,807,338	5,784,559,358	1,798,316,916				
7. Chi phí tài chính	22	28	8,756,497,257	10,889,766,886	15,635,804,978	19,000,090,193				
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8,023,481,071	10,761,907,673	14,843,579,070	18,446,374,338				
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-				
9. Chi phí bán hàng	25	29	11,179,779,014	9,190,942,721	24,512,240,507	15,648,329,112				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6,411,765,260	5,922,717,817	12,599,378,280	11,865,216,316				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		23,813,775,472	5,731,644,652	32,414,931,945	13,876,926,045				
12. Thu nhập khác	31		9,826	1,736	34,913,502	2,084				
13. Chi phí khác	32		954,296,649	2,776,066,877	1,007,936,738	3,981,373,051				
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(954,286,823)	(2,776,065,141)	(973,023,236)	(3,981,370,967)				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	22,859,488,649	2,955,579,511	31,441,908,709	9,895,555,078
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5,080,694,401	2,461,034,165	7,794,418,444	5,109,576,132
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(247,991,966)	(463,866,391)	(1,121,519,697)	(1,478,156,190)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	<u>18,026,786,214</u>	<u>958,411,737</u>	<u>24,769,009,962</u>	<u>6,264,135,136</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	16,598,077,559	876,591,426	23,888,566,973	6,989,136,732
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	1,428,708,655	81,820,311	880,442,989	(725,001,596)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	956	956	280



Lại Thị Thu Hà
Người lập



Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31,441,908,709	9,895,555,078
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7,950,090,179	8,223,056,371
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1,381,801)	(67,134,917)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,725,797,842)	(1,165,622,658)
- Chi phí lãi vay	06		14,843,579,070	18,446,374,338
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52,508,398,315	35,332,228,212
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		42,230,576,077	105,875,773,289
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(141,804,868,103)	(170,922,712,733)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38,665,812,381	9,778,428,282
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,106,872,162	2,526,143,586
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14,843,579,070)	(18,035,912,818)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,993,308,203)	(6,145,355,133)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(483,925,780)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26,614,022,221)	(41,591,407,315)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3,037,920,222)	(24,076,379,000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8,474,150,685)	(9,500,000,000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(80,013,912,593)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,725,797,842	286,172,182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(89,800,185,658)	(33,290,206,818)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		719,362,908,692	634,371,002,917
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(625,285,183,429)	(546,954,557,847)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(85,085,000)	(102,102,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(515,231,127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93,992,640,263	86,799,111,943

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(22,421,567,616)	11,917,497,810
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69,971,637,261	9,407,399,768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	15,774,608
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>47,550,069,645</u>	<u>21,340,672,186</u>

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 07 năm 2024 về việc thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 249.998.550 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/06/2024 là 249.998.550 đồng, tương đương 24.999.855 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 4

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3
- Số lượng công ty con được hợp nhất gián tiếp: 1

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49.33%	51.00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam (*)	Hà Nam	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam với số tiền là 99.000.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99%.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	05 - 44	năm
---------------------	---------	-----

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	11,808,023,438	7,258,105,379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17,650,395,652	12,593,531,882
Tiền đang chuyển	52,026,556	-
Các khoản tương đương tiền	18,039,623,999	50,120,000,000
	47,550,069,645	69,971,637,261

Tại 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,5% - 2,4%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	33,155,073,817	32,474,150,685	24,000,000,000	24,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	33,155,073,817	32,474,150,685	24,000,000,000	24,000,000,000
	33,155,073,817	32,474,150,685	24,000,000,000	24,000,000,000

Tại 30/06/2024, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 7,5%/năm.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Goodchoice Việt Nam	6,942,380,337	11,758,294,480
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	-	283,429,279
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	4,988,324,813	4,120,665,490
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam LLC Hayat	22,762,499,034	-
UAB Baltic Gate Terminal	10,521,972,032	15,728,642,787
Leziza Foods	8,545,736,250	-
Triton Trade Limited	8,525,054,770	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	97,124,800,181	136,920,095,195
	159,410,767,417	188,827,939,789
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	627,354,144	49,750,865

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Aloland ⁽¹⁾	21,096,250,000	-	34,002,250,000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	-	6,900,000,000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An ⁽²⁾	30,741,479,000	-	120,741,479,000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín ⁽³⁾	48,594,202,840	-	15,000,000,000	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	41,222,087,360	-	29,779,000,000	-
Trả trước khác	64,058,744,987	-	7,092,473,289	-
	205,712,764,187	-	213,515,202,289	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên	2,733,787,119	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

⁽¹⁾ Khoản tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu số 1506/2021/HĐKT/BN-CV ngày 15/06/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Thương mại - Chợ truyền thống Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty CP Đầu tư Aloland) về việc xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Theo Phụ lục thanh toán số 01/PLHĐ ngày 25/06/2021: Đợt 1 sẽ thanh toán sau khi ký phụ lục hợp đồng số tiền 24.002.250.000 VND; đợt 2 là ngày 30/09/2021 tạm ứng tiếp số tiền 10.000.000.000 VND. Ngày 29/06/2024, Công ty đã thực hiện nghiệm thu công trình hoàn thành lần 1 với tổng giá trị nghiệm thu bao gồm thuế giá trị gia tăng là 12.906.000.000 đồng.

⁽²⁾ Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An theo Hợp đồng nguyên tắc số: 01/2021/HĐNT/BN-BALA ngày 25/03/2021 về việc đặt mua dây chuyền máy móc thiết bị sử dụng cho dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Thời gian giao hàng theo tiến độ xây dựng nhà máy Bảo Ngọc Miền Trung.

⁽³⁾ Đây là các khoản trả trước theo Hợp đồng nguyên tắc số 1812/2023/BN-BT ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Bảo Tín về việc mua nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	2,885,717	-
Tạm ứng	13,705,000,000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	510,925,780	-	27,000,000	-
Phải thu khác	158,013,417	-	381,651,956	-
	14,373,939,197	-	411,537,673	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	150,000,000	-	150,000,000	-
	150,000,000	-	150,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	313,691,748,294	-	218,767,650,672	-
Công cụ, dụng cụ	250,742,302	-	348,897,761	-
Thành phẩm	266,276,671,472	-	5,871,820,798	-
Hàng hoá	-	-	203,143,077,207	-
Hàng gửi đi bán	-	-	10,282,847,527	-
	580,219,162,068	-	438,414,293,965	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	60,709,771,834	3,484,769,913
Dự án xây dựng nhà máy Miền Trung ⁽¹⁾	12,209,259,259	-
Sửa chữa văn phòng	4,116,629,131	3,210,682,042
Thiết kế Website	255,252,000	255,252,000
Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam ⁽²⁾	42,360,822,440	-
Cải tạo xưởng sản xuất	1,767,809,004	18,835,871
	60,709,771,834	3,484,769,913

⁽¹⁾ Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc miền Trung được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6788463648 do Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29/06/2021. Địa điểm thực hiện dự án tại: Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu, dự án sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động chính thức từ quý 4 năm 2022, tuy nhiên Công ty đã thực hiện đăng ký gia hạn thời gian hoạt động chính thức của nhà máy đến quý 4/2024 theo như trong Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký điều chỉnh lần thứ 1 ngày 01/03/2024.

⁽²⁾ Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4324566706 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 08/06/2022. Mục tiêu của dự án là sản xuất bao bì màng in, bao bì màng ghép, các loại túi Zipper; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng đã xây dựng dư thừa. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô C, ô CN8, đường D4, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tổng vốn đầu tư của dự án là 400 tỷ đồng, trong đó vốn góp là 80 tỷ đồng, vốn huy động là 320 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu, dự án sẽ đi vào hoạt động sản xuất chính thức từ tháng 8/2023, tuy nhiên tại thời điểm lập báo cáo này, dự án vẫn chưa hoàn thành và Công ty chưa thực hiện đăng ký gia hạn thời gian hoạt động chính thức của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi 1)	91,583,170,326	124,881,562,473	9,049,700,908	1,753,057,745	168,430,000	227,435,921,452
Mua sắm	-	127,000,000	220,000,000	36,000,000	-	383,000,000
Tại ngày 30/06/2024	91,583,170,326	125,008,562,473	9,269,700,908	1,789,057,745	168,430,000	227,818,921,452
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi 1)	35,868,198,457	40,419,808,260	5,918,501,999	1,072,460,260	131,987,412	83,410,956,388
Trích khấu hao	1,790,169,703	4,815,955,337	538,583,233	154,599,226	5,085,012	7,304,392,511
Tại ngày 30/06/2024	37,658,368,160	45,235,763,597	6,457,085,232	1,227,059,486	137,072,424	90,715,348,899
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi 1)	55,714,971,869	84,461,754,213	3,131,198,909	680,597,485	36,442,588	144,024,965,064
Tại ngày 30/06/2024	53,924,802,166	79,772,798,876	2,812,615,676	561,998,259	31,357,576	137,103,572,553

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.997.087.271 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.960.441.328 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 123.750.000 đồng, khấu hao lũy kế đến 30/06/2024 là 892.604.166 đồng.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 30/06/2024	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2,510,609,166	2,510,609,166
Trích khấu hao	521,947,668	521,947,668
Tại ngày 30/06/2024	3,032,556,834	3,032,556,834
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	3,587,847,501	3,587,847,501
Tại ngày 30/06/2024	3,065,899,833	3,065,899,833

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,076,035,325	2,636,388,081
Chi phí bảo hiểm	159,220,603	167,785,639
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	2,139,968,111	1,070,798,034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,398,173,174	1,423,956,273
	4,773,397,213	5,298,928,027
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	82,561,732	185,595,854
Chi phí phần mềm	-	23,994,000
Chi phí thuê đất	14,316,040,568	14,549,567,138
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	111,283,645	326,689,237
Chi phí trả trước dài hạn khác	40,343,093	45,724,157
	14,550,229,038	15,131,570,386

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	1,157,081,747	426,123,969
	1,157,081,747	426,123,969

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	10,854,571,521	10,854,571,521	7,557,860,767	7,557,860,767
Công ty Cổ phần dược phẩm FDV Việt Nam	11,201,966,604	11,201,966,604	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Xuyên	14,131,000,000	14,131,000,000	-	-
Công ty TNHH Hoàng Liên	13,008,696,985	13,008,696,985	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Á	-	-	13,488,886,488	13,488,886,488
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Hoa Thành	-	-	9,847,906,140	9,847,906,140
Các khoản phải trả khác	81,195,442,794	81,195,442,794	60,123,657,951	60,123,657,951
	130,391,677,904	130,391,677,904	91,018,311,346	91,018,311,346
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	7,217,497,685	7,217,497,685	1,251,125,559	1,251,125,559
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>				

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	48,000,000,000	48,000,000,000
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	-	3,655,057,966
Trả trước khác	12,368,033,433	5,098,386,052
	60,368,033,433	56,753,444,018

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa.

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	200,000,000	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (trình bày lại)	400,000	6,012,465,901	(6,023,739)	11,001,932,521	4,995,890,359	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13,641,941,825	7,687,876,822	3,993,308,203	-	17,336,510,444	-	-	17,336,510,444	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	105,111,585	43,599,656	89,337,805	-	59,373,436	-	-	59,373,436	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	135,936,000	259,352,281	259,352,281	-	135,936,000	-	-	135,936,000	-
Các loại thuế khác	-	-	296,850,747	296,850,747	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	20,500,000	21,500,000	1,000,000	-	-	-	-	-
	400,000	19,895,455,311	8,302,155,767	15,662,281,557	4,996,890,359	17,531,819,880				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	1,015,294,311	129,358,950
Bảo hiểm y tế	93,161,565	21,527,300
Bảo hiểm thất nghiệp	40,059,280	10,145,800
Phải trả khác	529,073,706	1,162,393
	<u>1,677,588,862</u>	<u>162,194,443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	450,845,837,238	450,845,837,238	719,362,908,692	(624,360,465,327)	545,848,280,603	545,848,280,603
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	75,961,633,938	75,961,633,938	131,958,138,203	(132,061,753,725)	75,858,018,416	75,858,018,416
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	50,000,000,000	50,000,000,000	50,800,000,000	(30,805,000,000)	69,995,000,000	69,995,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	69,712,570,923	69,712,570,923	94,359,932,093	(94,117,053,859)	69,955,449,157	69,955,449,157
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	98,988,263,751	98,988,263,751	130,984,296,724	(130,442,347,911)	99,530,212,564	99,530,212,564
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	61,790,545,200	61,790,545,200	94,839,000,000	(96,510,545,200)	60,119,000,000	60,119,000,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	40,000,000,000	40,000,000,000	50,000,000,000	(40,000,000,000)	50,000,000,000	50,000,000,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	19,800,000,000	19,800,000,000	30,665,326,846	(22,523,519,041)	27,941,807,805	27,941,807,805
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	16,942,183,426	16,942,183,426	98,160,891,826	(60,249,605,591)	54,853,469,661	54,853,469,661
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	20,000,000,000	-	20,000,000,000	20,000,000,000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	17,650,640,000	17,650,640,000	17,595,323,000	(17,650,640,000)	17,595,323,000	17,595,323,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	2,036,921,000	2,036,921,000	924,900,000	(1,009,803,102)	1,952,017,898	1,952,017,898
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1,764,000,000	1,764,000,000	882,000,000	(882,000,000)	1,764,000,000	1,764,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	85,800,000	85,800,000	42,900,000	(42,718,102)	85,981,898	85,981,898
Nợ thuê tài chính dài hạn	187,121,000	187,121,000	-	(85,085,000)	102,036,000	102,036,000
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	452,882,758,238	452,882,758,238	720,287,808,692	(625,370,268,429)	547,800,298,501	547,800,298,501
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7,511,000,000	7,511,000,000	-	(882,000,000)	6,629,000,000	6,629,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	178,750,000	178,750,000	-	(42,718,102)	136,031,898	136,031,898
Nợ thuê tài chính dài hạn	187,121,000	187,121,000	-	(85,085,000)	102,036,000	102,036,000
	7,876,871,000	7,876,871,000	-	(1,009,803,102)	6,867,067,898	6,867,067,898
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2,036,921,000	2,036,921,000	924,900,000	(1,009,803,102)	1,952,017,898	1,952,017,898
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	5,839,950,000	5,839,950,000			4,915,050,000	4,915,050,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024-HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	31,760,953,523	75,858,018,416	- Các Hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong Hợp đồng cho vay hạn mức.
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 05-03/2024-HĐCVHM/NHCT131-HH ngày 09 tháng 01 năm 2024.	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	27,558,065,019	27,558,065,019	- Các hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong hợp đồng cho vay.
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 313/2023-HĐCVHM/NHCT131-THANHNAM ngày 10 tháng 10 năm 2023.	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	16,538,999,874	16,538,999,874	- Hợp đồng thế chấp bất động sản công chứng 011214, quyền số 7/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 28/07/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và bà Lê Thu Huyền và các văn bản sửa đổi bổ sung nếu có.
2	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023-HĐCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49,995,000,000	69,995,000,000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông lớn (ông Lê Đức Thuận).
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN124008183/WBVN300 ngày 19/06/2024	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 07 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	20,000,000,000	20,000,000,000	- Ký quỹ bằng số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số tiền 8.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh. - Khoản vay được bảo lãnh bởi ông Lê Đức Thuận - Chủ tịch HĐQT

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					69,955,449,157	69,955,449,157	Đơn vị tính: VND
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023					21,206,855,080	21,206,855,080	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023	70,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	43,778,152,560	43,778,152,560	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023					4,970,441,517	4,970,441,517	
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam					99,530,212,564	99,530,212,564	Đơn vị tính: VND
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/4887990/HĐTD ngày 27/07/2023	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Áp dụng từng lần giải ngân	99,530,212,564	99,530,212,564		
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					60,119,000,000	60,119,000,000	Đơn vị tính: VND
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/CVHM/VCBHN- BAONGOC ngày 14/07/2023	62,000,000,000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	60,119,000,000	60,119,000,000		



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội Hợp đồng cấp tín dụng số 170435.23.056.1516289.TD ngày 02/11/2023	50,000,000,000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán kẹo của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 23/10/2024	Theo từng giấy nhận nợ	50,000,000,000	50,000,000,000	- Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của bên thế chấp tại Thôn Vực, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. - Toàn bộ số tiền/ số dư và lãi phát sinh trên tài khoản ngân hàng số 0081101308006 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200623-11366296- 01-SMIE ngày 22/06/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	21,957,333,690	21,957,333,690	- Cẩm có hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. - Bảo lãnh bằng tài sản của cô đồng.
	Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không TSBD số ThachionlineSME-	1,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	16%	994,474,115	994,474,115	- Bảo lãnh cá nhân
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-20936-01 ngày 17/06/2024	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	4,990,000,000	4,990,000,000	- Ký quỹ đảm bảo
8	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam HĐTĐ hạn mức số 112- 00008871.04747/2023/HĐTĐ ngày 02/08/2023 và Thông báo điều chỉnh bổ sung hạn mức số 0412/2023./TB- MSB.HMI ngày 04/12/2023	55,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh L/C của khách hàng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	54,853,469,661	54,853,469,661	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 146(BT27-08) tại khu đô thị sinh thái FLC Sầm Sơn của ông Ngô Thành Nam (cố đồng Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam) và bà Nguyễn Thị Mai Hiền. - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 279-3 tại quận Hà Đông, TP Hà Nội của bà Đỗ Thị Thủy (Em gái bà Đỗ Thị Tâm - cố đồng Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam).
9	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Hợp đồng cấp tín dụng số DDA20241892479/HĐTĐ ngày 16/05/2024	80,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	20,000,000,000	20,000,000,000	- Hàng hóa, quyền đòi nợ và khoản phải thu dựa theo Hợp đồng thế chấp số DDA202414162997/HĐTĐ ngày 16/05/2024

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
10	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-230106957 ngày 20/12/2023	18,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	17,595,323,000	17,595,323,000	- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Tâm (cổ đông Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam) được chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm.
II	Tổng cộng vay ngân hàng					545,848,280,603	545,848,280,603	
I	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn							
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 004/TBN-TSN/21TDH ngày 14/01/2021	11,921,000,000	Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bánh bông lan chà bông tự động mới 100%.	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	6,629,000,000	1,764,000,000	- Tài sản hình thành từ vốn vay - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021.
2	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HDDTD-0079 ngày 15/01/2021	429,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	136,031,898	85,981,898	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Hợp đồng số 01.1113/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	605,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	102,036,000	102,036,000	Ký cược bảo đảm
	Hợp đồng số 01.1114/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	484,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	56,682,000	56,682,000	Ký cược bảo đảm
	Tổng cộng vay và nợ thuế tài chính dài hạn					6,867,067,898	1,952,017,898	
	Tổng cộng vay và nợ thuế tài chính					552,715,348,501	547,800,298,501	

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	30/06/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,104,946,952	1,983,427,255
	<u>3,104,946,952</u>	<u>1,983,427,255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023						
Tại ngày 01/01/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	91,948,617,585	7,630,992,762	431,254,834,246
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	6,989,136,732	(725,001,596)	6,264,135,136
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	-	-	4,479,294,194	4,479,294,194
Tại ngày 30/06/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	98,937,754,317	11,385,285,360	441,998,263,576
Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	135,726,492,731	12,676,038,123	480,077,754,753
Lãi trong kỳ này	-	-	-	23,888,566,973	880,442,989	24,769,009,962
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	-	-	997,234,365	997,234,365
Công ty con tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	4,598,131,512	4,598,131,512
Tại ngày 30/06/2024	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	159,615,059,704	19,151,846,989	510,442,130,592

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	90,157,350,000	36.06%	90,157,350,000
Vốn góp của các cổ đông khác	63.94%	159,841,200,000	63.94%	159,841,200,000
	100%	249,998,550,000	100%	249,998,550,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	249,998,550,000	249,998,550,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249,998,550,000	249,998,550,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249,998,550,000	249,998,550,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24,999,855	24,999,855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24,999,855	24,999,855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24,999,855	24,999,855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	1,698,273,899
	1,698,273,899	1,698,273,899

24 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	288,529,718,848	255,853,525,244
Doanh thu bán hàng hóa	68,568,626,225	687,209,550
	357,098,345,073	256,540,734,794
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	6,990,790,076
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	62,698,876	(2,895,158)
Hàng bán bị trả lại	4,335,283,018	3,160,492,325
	4,397,981,894	3,157,597,167

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	241,130,983,131	222,542,941,739
Giá vốn của hàng hóa đã bán	64,977,476,542	651,931,150
	306,108,459,673	223,194,872,889

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	974,156,075	1,045,277,026
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2,591,785,826	434,395,395
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1,384,464	67,134,917
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,587,132	-
	3,569,913,497	1,546,807,338

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	8,023,481,071	10,761,907,673
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	714,745,662	127,509,217
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2,663	-
Chi phí tài chính khác	18,267,861	349,996
	8,756,497,257	10,889,766,886

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4,749,999	-
Chi phí nhân công	2,896,016,949	2,331,443,474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176,075,193	263,476,860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,102,936,873	6,586,877,226
Chi phí khác bằng tiền	-	9,145,161
	11,179,779,014	9,190,942,721

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	184,065,788	173,997,240
Chi phí nhân công	2,114,607,040	1,712,955,100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,598,131,867	956,657,697
Thuế, phí, lệ phí	545,692,303	578,820,691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,810,340,044	2,284,481,275
Lợi thế thương mại	(2)	57,666,489
Chi phí khác bằng tiền	158,928,220	158,139,325
	6,411,765,260	5,922,717,817

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22,859,488,649	2,955,579,511
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,080,694,401	2,461,034,165
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,080,694,401	2,461,034,165

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	23,888,566,973	6,989,136,732
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23,888,566,973	6,989,136,732
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24,999,855	24,999,855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	956	280

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý II năm 2024	Quý II năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314,212,488,244	233,929,783,273
Chi phí nhân công	13,656,374,660	7,835,140,358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,382,366,070	3,805,513,206
Chi phí thuế và lệ phí	545,692,303	815,227,095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,851,081,376	11,807,716,462
Chi phí khác bằng tiền	160,180,220	343,077,660
	344,808,182,873	258,536,458,054

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47,550,069,645	-	69,971,637,261	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	173,934,706,614	-	189,389,477,462	-
Đầu tư ngắn hạn	32,474,150,685	-	24,000,000,000	-
	253,958,926,944	-	283,361,114,723	-
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			552,715,348,501	458,722,708,238
Phải trả người bán, phải trả khác			132,069,266,766	91,180,505,789
Chi phí phải trả			-	438,279,632
			684,784,615,267	550,341,493,659

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47,550,069,645	-	-	47,550,069,645
Phải thu khách hàng, phải thu khác	173,784,706,614	150,000,000	-	173,934,706,614
Đầu tư ngắn hạn	32,474,150,685	-	-	32,474,150,685
	<u>253,808,926,944</u>	<u>150,000,000</u>	<u>-</u>	<u>253,958,926,944</u>
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69,971,637,261	-	-	69,971,637,261
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189,239,477,462	150,000,000	-	189,389,477,462
Đầu tư ngắn hạn	24,000,000,000	-	-	24,000,000,000
	<u>283,211,114,723</u>	<u>150,000,000</u>	<u>-</u>	<u>283,361,114,723</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Vay và nợ	547,800,298,501	4,915,050,000	-	552,715,348,501
Phải trả người bán, phải trả khác	132,069,266,766	-	-	132,069,266,766
	679,869,565,267	4,915,050,000	-	684,784,615,267
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	452,882,758,238	5,839,950,000	-	458,722,708,238
Phải trả người bán, phải trả khác	91,180,505,789	-	-	91,180,505,789
Chi phí phải trả	438,279,632	-	-	438,279,632
	544,501,543,659	5,839,950,000	-	550,341,493,659

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	560,859,188,885	101,434,194,665	662,293,383,550
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	488,176,780,389	94,738,806,809	582,915,587,198
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	72,682,408,496	6,695,387,856	79,377,796,352
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	383,000,000
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	1,277,073,550,334
Tổng tài sản	-	-	1,277,073,550,334
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	766,631,419,742
Tổng nợ phải trả	-	-	766,631,419,742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý II năm 2024 VND	Quý II năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(*)	-	2,409,115
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	4,580,615,000
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	-	2,407,765,961
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(*)	-	1,800,000
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	3,404,982,022	2,645,292,523

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Á Long	(*)	37,868,158	6,296,719
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	75,220
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	-	43,378,926
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	2,733,787,119	9,700,243,139
Phải trả người bán			
Công ty CP Á Long	(*)	5,250,000,000	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	1,967,497,685	1,251,125,559
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Á Long	(*)	200,000,000	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	589,485,986	-

(*) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(**) Giám đốc Công ty trên đồng thời là vợ của Chủ tịch HĐQT. Đến ngày 05/12/2023, đơn vị này không còn là bên liên quan do thay đổi Giám đốc.

(***) Chủ tịch HĐQT công ty trên đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		<u>Quý II năm 2024</u>	<u>Quý II năm 2023</u>
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị		420,302,279	202,815,000
Ông Lê Đức Thuấn	Chủ tịch HĐQT	75,000,000	37,500,000
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	42,000,000	21,000,000
Ông Nguyễn Anh Đức	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/06/2023)	-	14,000,000
Ông Nguyễn Văn Hai	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/06/2023)	-	14,000,000
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	42,000,000	21,000,000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	219,302,279	7,000,000
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	42,000,000	7,000,000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		-	81,315,000
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 15/05/2023, miễn nhiệm ngày 15/01/2024)	-	81,315,000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2024 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cố định là "Tòa nhà Bảo Ngọc 8 tầng" cho bên mua là Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bách Khoa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 đã được soát xét, dẫn đến một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được trình bày lại như sau:

Chi tiêu	Mã số	Điều chỉnh hồi tố	
		VND	VND
			Đã trình bày trên báo cáo hợp nhất năm/kỳ trước
			VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	188,827,939,789	195,827,939,789
Tài sản cố định hữu hình	221	144,024,965,064	95,832,948,221
<i>Nguyên giá</i>	222	227,435,921,452	175,241,512,556
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(83,410,956,388)	(79,408,564,335)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1,983,427,255	1,621,830,623
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	56,753,444,018	8,753,444,018
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19,895,455,311	24,895,455,311
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	135,726,492,731	137,172,879,256
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	43,790,943,327	45,237,329,852
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11,865,216,316	11,334,241,418
Thu nhập khác	31	2,084	596,065,437
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(1,478,156,190)	(1,252,748,539)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	280	316
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8,223,056,371	7,692,081,473
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,165,622,658)	(1,761,686,011)
Tặng, giảm các khoản phải thu	09	105,875,773,289	135,875,773,289
Tặng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9,778,428,282	(33,221,571,718)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	13,000,000,000

me

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024